

Số: 358/QĐ-NTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại rèn luyện học sinh
năm học 2026 – 2027**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 48/2026/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép sáp nhập Trường Tiểu học Dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học phổ thông Tư thục Ngô Thời Nhiệm thành Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh;

Xét đề nghị của các Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và công tác học sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp loại rèn luyện học sinh năm học 2026 - 2027 của Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Lãnh đạo nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên, bộ phận quản lý học sinh, cán bộ, nhân viên, học sinh và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo;
- Tổ bộ môn, bộ phận;
- Đoàn thể;
- Lưu: VT (HT).



HIỆU TRƯỞNG

Trưởng Nguyễn Sự

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS
VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Theo dõi đánh giá, xếp loại rèn luyện học sinh năm học 2026 - 2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 358 /QĐ-NTN ngày 30 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quy định việc theo dõi nền nếp, ghi nhận quá trình rèn luyện của học sinh và xét thi đua tập thể lớp tại các cơ sở thuộc Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm trong năm học 2026 - 2027.

2. Áp dụng đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; tập thể lớp, giáo viên và bộ phận tham gia quản lý, giáo dục học sinh. Học sinh nội trú có Quy định riêng về nền nếp sinh hoạt nội trú.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Lấy giáo dục, động viên và sự tiến bộ của học sinh làm trọng tâm; bảo đảm khách quan, công bằng, phù hợp độ tuổi, hoàn cảnh và mức độ nhận thức của từng học sinh.

3. Mọi sự việc phải được xác minh, ghi nhận đúng người, đúng thời điểm; học sinh được trình bày ý kiến. Thông tin cá nhân và nội dung xử lý được trao đổi phù hợp, bảo đảm quyền riêng tư của học sinh.

Chương II

NỀN NẾP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

Điều 3. Chuyên cần và việc xin phép nghỉ học

1. Giờ có mặt tại trường

a) Buổi sáng, học sinh có mặt trước 7 giờ 15 phút; riêng sáng thứ Hai có mặt trước 7 giờ 00 phút. Buổi chiều, học sinh có mặt trước 13 giờ 15 phút.

b) Khi vào lớp, học sinh ổn định chỗ ngồi, chuẩn bị sách vở và đồ dùng học tập.

c) Học sinh vào trường sau các mốc giờ quy định tại điểm a khoản này được ghi nhận là đi học trễ.

2. Xin phép nghỉ học

a) Trường hợp nghỉ đột xuất hoặc nghỉ từ 01 đến 02 ngày, cha mẹ học sinh xin phép trên VnEdu. Nếu nghỉ do bệnh, cha mẹ ghi rõ triệu chứng và nộp giấy tờ khám, chữa bệnh cho bộ phận quản lý học sinh khi học sinh đi học trở lại.

b) Trường hợp nghỉ từ 03 ngày trở lên, cha mẹ học sinh làm đơn và gửi Ban lãnh đạo Nhà trường phê duyệt.

c) Trường hợp học sinh bị bệnh trong thời gian ở trường, học sinh đến phòng y tế để được theo dõi. Nhân viên y tế phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thông báo cha mẹ đến đón khi cần thiết. Nếu học sinh nghỉ từ 50% thời lượng của buổi học trở lên thì được ghi nhận nghỉ học có phép.

d) Trường hợp bất khả kháng cần về giữa giờ, cha mẹ học sinh trực tiếp xin phép giáo viên chủ nhiệm. Sau khi được chấp thuận, giáo viên chủ nhiệm thông báo cho giáo viên đang phụ trách tiết học.

đ) Trường hợp học sinh nghỉ học mà cha mẹ không xin phép hoặc xin phép sau thời điểm bộ phận giám thị chốt điểm danh của buổi học thì được ghi nhận nghỉ học không phép.

e) Trường hợp học sinh bỏ nhà đi hoặc bỏ học thì thời gian vắng học được ghi nhận là nghỉ học không phép.

Điều 4. Tác phong, trang phục và đồ dùng cá nhân

1. Tóc

a) Học sinh không sử dụng keo tạo kiểu, nhuộm màu hoặc cắt tóc theo kiểu không phù hợp với tác phong học sinh; không cạo trọc đầu, trừ trường hợp do bệnh lý; không cạo đường hoặc tạo hình trên đầu. Đối với học sinh nam: không để tóc dài, xù, tóc bờm, tóc chòm, tóc lỏm chòm hoặc đầu đinh. Đối với học sinh nữ: không để tóc xù, tóc tầng hoặc tóc nôi.

b) Học sinh vi phạm quy định về tóc được ghi nhận lỗi và phải khắc phục chậm nhất trong 02 ngày, sau đó trình diện bộ phận giám thị để được xác nhận. Nếu không trình diện và tiếp tục bị ghi nhận, số lần vi phạm được tính theo số ngày học giữa hai lần kiểm tra.

2. Đồng phục

a) Học sinh mặc đồng phục theo quy định của Nhà trường trong các buổi học, buổi sinh hoạt và ngày lễ. Đồng phục gồm áo, quần hoặc váy và giày; học sinh không tự ý thay đổi kiểu dáng, mẫu mã hoặc sửa đồng phục.

b) Học sinh nam mặc áo sơ mi trắng viền đỏ đô, quần đỏ đô và mang giày thể thao đồng phục.

c) Học sinh nữ mặc áo sơ mi trắng viền đỏ đô, váy đỏ đô và mang giày thể thao đồng phục. Áo lót phải phù hợp với màu áo ngoài. Không sửa áo ôm sát cơ thể hoặc cắt ngắn váy; chiều dài váy phải chạm đầu gối.

d) Khi học Giáo dục thể chất, học sinh mặc đồng phục thể dục gồm áo thun trắng ngắn tay viền đỏ đô, quần thun dài màu đỏ đô và giày thể thao.

e) Tất cả đồng phục phải được thêu đúng tên, lớp đang học ở phía trên ngực trái của áo

3. Ba lô, cặp sách

Học sinh được sử dụng ba lô của Nhà trường hoặc loại ba lô, cặp sách khác; không sử dụng loại có hình vẽ, chữ viết hoặc vật trang trí trái với chuẩn mực văn hóa, đạo đức và quy định pháp luật.

4. Trang điểm, trang sức và hình xăm

a) Học sinh nam không trang điểm, để râu, xỏ lỗ tai, xỏ lỗ mũi hoặc vị trí khác trên mặt; không đeo vòng tay hoặc để móng tay dài.

b) Học sinh nữ không trang điểm đậm, đeo nhiều trang sức, xỏ nhiều lỗ tai, xỏ lỗ mũi hoặc vị trí khác trên mặt; không sơn móng tay, gắn móng tay giả hoặc để móng tay dài.

c) Học sinh không xăm hình trên da hoặc sử dụng hình dán tương tự hình xăm.

Điều 5. Nền nếp học tập và ứng xử

1. Học sinh đi nhẹ, nói khẽ; ứng xử thân thiện, hòa nhã với bạn bè; lễ phép chào thầy cô, cán bộ, nhân viên Nhà trường, cha mẹ học sinh và khách tới trường.

2. Lời nói, thái độ và hành vi ứng xử phải lịch sự, văn minh, tôn trọng người khác. Tại nơi đông người, học sinh xếp hàng chờ đến lượt, không chen lấn hoặc xô đẩy.

3. Học sinh đi học đúng giờ, chuyên cần, chú ý nghe giảng, ghi chép và hoàn thành bài học, bài tập; giữ trật tự trong lớp và thực hiện trực nhật, vệ sinh phòng học trước và sau buổi học.

4. Học sinh chăm chỉ, trung thực trong học tập; không tự ý ra khỏi trường trong giờ học. Trường hợp đột xuất phải có cha mẹ xin phép và được lãnh đạo Nhà trường chấp thuận.

5. Học sinh không tự ý đưa người ngoài vào lớp hoặc vào trường; không sử dụng điện thoại trong giờ học khi chưa được giáo viên phụ trách cho phép.

6. Học sinh không chơi bóng đá, bóng chuyền hoặc trò chơi tương tự trong phòng học, hành lang; không xô đẩy, quăng ném đồ vật tại phòng học và sân trường gây hư hỏng tài sản hoặc nguy cơ thương tích.

7. Học sinh không leo trèo, chạy nhảy trên bàn ghế; không rượt đuổi, đùa giỡn, chen lấn hoặc xô đẩy nhau tại hành lang, cầu thang; không tự ý đi vào khu vực phòng giáo viên.

8. Khi di chuyển đến phòng học, phòng chức năng hoặc khu vực học tập khác, học sinh đi theo hai hàng ngay ngắn; không tự ý tách hàng, đi nơi khác, nói chuyện hoặc đùa giỡn gây mất trật tự.

9. Học sinh không tự ý vào phòng làm việc, phòng chức năng hoặc phòng học của lớp khác khi không có giáo viên, nhân viên phụ trách hoặc chưa được yêu cầu. Khi hết tiết học, học sinh không tự ý ở lại lớp.

10. Ngoài giờ học, trường hợp cần sử dụng lớp để học phụ đạo, bồi dưỡng hoặc làm việc nhóm phải có giáo viên bộ môn quản lý tại chỗ hoặc báo cáo, xin phép lãnh đạo Nhà trường.

11. Học sinh thực hiện các công việc như nộp tiền, nộp danh sách đăng ký, sao chụp tài liệu và liên hệ các bộ phận ngoài giờ học; không bỏ tiết để giải quyết việc riêng, trừ trường hợp được bộ phận quản lý học sinh yêu cầu.

Điều 6. Những hành vi không được thực hiện

1. Vi phạm quy chế kiểm tra, thi; gian lận trong quá trình làm bài.

2. Chửi thề, gây gổ, đánh nhau hoặc tham gia, cổ vũ vụ việc đánh nhau trong và ngoài trường.

3. Có lời nói hoặc hành vi vô lễ; xúc phạm nhân phẩm, danh dự hoặc xâm phạm thân thể giáo viên, nhân viên, học sinh và người khác.

4. Đăng tải, chia sẻ thông tin không lành mạnh hoặc sai lệch trên mạng xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến cá nhân hoặc tập thể.

5. Quay phim, chụp hoặc phát tán hình ảnh nhạy cảm; có hành vi thiếu văn hóa hoặc thể hiện tình cảm thân mật không phù hợp với môi trường học đường.

6. Không tham gia chào cờ khi không có lý do chính đáng; nói chuyện riêng hoặc làm việc riêng trong các buổi sinh hoạt của Nhà trường.

7. Mang đồ ăn, thức uống vào lớp hoặc ăn trong lớp trái quy định.

8. Tự ý sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng, máy chơi trò chơi, máy nghe nhạc, thiết bị ghi âm, ghi hình hoặc thiết bị điện tử khác trong giờ học; không tuân thủ quy định sử dụng điện thoại của Nhà trường.

9. Mang vào trường hung khí, vũ khí, hộp quẹt, chất dễ gây cháy nổ hoặc vật dụng có thể gây nguy hiểm cho người khác.

10. Chơi bài dưới bất kỳ hình thức nào; đọc, xem, lưu trữ hoặc truyền bá tài liệu, hình ảnh phản động, đồi trụy.

11. Sử dụng hoặc lưu giữ chất kích thích, thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu, bia và đồ uống có cồn.

12. Vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ hoặc các quy định khác của pháp luật.

Điều 7. Bảo quản tài sản, trang thiết bị và cây xanh

1. Học sinh có trách nhiệm giữ gìn tài sản của Nhà trường, của lớp và của người khác; không chiếm dụng, làm hư hỏng hoặc sử dụng tài sản khi chưa được phép.

2. Khi sử dụng điện, thiết bị, dụng cụ học tập, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất và các tài sản khác, học sinh phải tuân thủ hướng dẫn an toàn, sử dụng đúng mục đích và chỉ sử dụng khi được giáo viên hoặc nhân viên phụ trách cho phép.

3. Học sinh không dán, đóng đinh, viết, vẽ hoặc trang trí lên tường, cửa, bảng lớp học và các khu vực khác của Nhà trường khi chưa được cho phép, kể cả để chụp ảnh kỷ yếu.

4. Học sinh có trách nhiệm giữ gìn, chăm sóc cây xanh trong trường, trong lớp; không thực hiện hành vi làm hư hại cây xanh.

Điều 8. Giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường

1. Học sinh tự giác giữ gìn vệ sinh cá nhân; vệ sinh thân thể, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; cắt gọn móng tay, móng chân; không đi chân trần. Quần áo, cặp sách, giày dép và đồ dùng cá nhân phải được giữ sạch sẽ.

2. Khi có triệu chứng bệnh có khả năng lây truyền, học sinh thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm phù hợp và thông báo cho giáo viên chủ nhiệm hoặc nhân viên y tế. Trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, cha mẹ học sinh thông báo cho Nhà trường và cho học sinh nghỉ học, theo dõi sức khỏe theo hướng dẫn của cơ sở y tế.

3. Học sinh giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định; sử dụng nhà vệ sinh dành cho học sinh và chấp hành nội quy tại khu vực này. Không viết, vẽ, bôi bẩn hoặc dán vật dụng tùy tiện lên bàn ghế, tường, cửa, nhà vệ sinh và các khu vực khác.

4. Học sinh không mang đồ ăn, thức uống, hộp xốp, ly nhựa dùng một lần vào phòng học, phòng chức năng trái quy định; khuyến khích sử dụng bình nước cá nhân.

5. Học sinh được phân công trực nhật thực hiện vệ sinh phòng học, hành lang và chăm sóc cây xanh thuộc khu vực của lớp theo hướng dẫn của giáo viên.

Điều 9. Ra vào cổng trường và gửi xe

1. Học sinh chấp hành hướng dẫn của nhân viên an ninh trật tự và bộ phận quản lý khu vực gửi xe; giữ trật tự khi ra vào cổng, không chen lấn hoặc rủ ga.

2. Học sinh chỉ sử dụng phương tiện giao thông phù hợp với độ tuổi và điều kiện theo quy định của pháp luật; không điều khiển xe khi chưa đủ điều kiện.

3. Học sinh để xe đúng khu vực, đúng hàng lối; giữ gìn vệ sinh nơi gửi xe và tự bảo quản đồ dùng cá nhân để trên xe.

Điều 10. Điểm theo dõi rèn luyện của học sinh

1. Mỗi học sinh được ghi nhận **100 điểm đầu mỗi học kỳ**. Điểm theo dõi rèn luyện học kỳ được tính như sau:

Điểm theo dõi rèn luyện = 100 điểm – tổng điểm trừ + tổng điểm cộng.

2. Điểm theo dõi rèn luyện được sử dụng để nhận xét, nhắc nhở, động viên học sinh và làm một trong các nguồn thông tin khi giáo viên chủ nhiệm đánh giá quá trình rèn luyện. Mức điểm tham khảo gồm:

Điểm theo dõi học kỳ	Mức tham khảo
Từ 90 điểm trở lên	Tốt
Từ 80 đến dưới 90 điểm	Khá
Từ 70 đến dưới 80 điểm	Đạt
Dưới 70 điểm	Chưa đạt

3. Mức xếp loại rèn luyện cả năm của học sinh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Học kì 1	Học kì 2	Cả năm
Tốt hoặc Khá	Tốt	Tốt
Đạt hoặc Chưa đạt	Tốt	Khá
Tốt, Khá hoặc Đạt	Khá	
Tốt	Đạt	
Chưa đạt	Khá	Đạt
Khá, Đạt hoặc Chưa đạt	Đạt	
Các trường hợp còn lại		Chưa đạt

4. Điểm và mức xếp loại quy định tại khoản 2 Điều này là căn cứ để giáo viên chủ nhiệm xem xét, đề xuất kết quả rèn luyện của học sinh. Khi đánh giá cuối học kỳ và cả năm học, giáo viên chủ nhiệm kết hợp kết quả theo dõi bằng điểm với biểu hiện thực tế, mức độ tiến bộ của học sinh và ý kiến của giáo viên có liên quan; việc xác định kết quả rèn luyện thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Đối với học sinh tiểu học, việc đánh giá phẩm chất và năng lực thực hiện theo quy định riêng của cấp tiểu học; không áp dụng bảng quy đổi điểm tại khoản 2 Điều này để xác định kết quả đánh giá chính thức.

Điều 11. Các trường hợp trừ điểm theo dõi rèn luyện

1. Danh mục điểm trừ

STT	Nội dung	Điểm trừ
1	Nghỉ học có phép vì lý do cá nhân khác ngoài các trường hợp được miễn trừ quy định tại mục 2 Điều này.	1 điểm/buổi
2	Đi học trễ; vào lớp trễ khi chuyển tiết; tập trung trễ trong giờ sinh hoạt, chào cờ hoặc hoạt động chung.	1 điểm/lần
3	Không thực hiện điểm danh theo quy định.	1 điểm/lần
4	Nghỉ học không phép, cúp tiết hoặc bỏ giờ sinh hoạt.	2 điểm/buổi

STT	Nội dung	Điểm trừ
5	Không mang dụng cụ học tập, không làm bài tập, không chuẩn bị bài, nói chuyện hoặc làm việc riêng trong giờ học và các lỗi học tập thông thường khác được giáo viên ghi nhận.	1 điểm/lần
6	Vi phạm quy định về tác phong, nề nếp, vệ sinh; bảo quản tài sản, trang thiết bị hoặc cây xanh.	1 điểm/lần
7	Vi phạm quy định về sử dụng điện thoại của Nhà trường.	1 điểm/lần
8	Mang đồ ăn, thức uống vào lớp hoặc ăn uống trong lớp trái quy định.	1 điểm/lần
9	Phát ngôn không phù hợp, nói tục, chửi thề hoặc có biểu hiện thiếu trung thực.	3 điểm/lần
11	Nhuộm tóc hoặc sử dụng hình dán tương tự hình xăm trái quy định về tác phong của Nhà trường; không khắc phục sau thời hạn đã được thông báo.	3 điểm/lần ghi nhận sau thời hạn khắc phục
12	Có hành vi thể hiện tình cảm thân mật không phù hợp với môi trường học đường.	2 điểm/lần; trường hợp cần thiết, xem xét theo Điều về hành vi vi phạm

2. Không trừ điểm đối với học sinh nghỉ học có phép do ốm đau, tai nạn, mắc bệnh truyền nhiễm; nghỉ để dự tang lễ của cha, mẹ, ông, bà, anh, chị, em ruột; tham gia kỳ thi chứng chỉ, phỏng vấn thị thực, khám nghĩa vụ quân sự hoặc thực hiện nhiệm vụ khác có giấy tờ chứng minh và được Nhà trường chấp thuận.

3. Trường hợp gian lận trong học tập, kiểm tra, thi; xúc phạm người khác hoặc có hành vi nghiêm trọng khác thì thực hiện theo Điều về xem xét hành vi vi phạm, không chỉ xử lý bằng mức trừ điểm thông thường.

4. Mỗi hành vi chỉ được ghi nhận một lần cho cùng một sự việc. Người ghi nhận phải nêu rõ thời gian, nội dung và thông báo để học sinh, giáo viên chủ nhiệm đối chiếu.

Điều 12. Các trường hợp cộng điểm theo dõi rèn luyện

STT	Nội dung	Điểm cộng
1	Đạt giải cá nhân trong cuộc thi văn hóa, thể thao hoặc hoạt động giáo dục được Nhà trường công nhận.	Cấp quốc gia: 3 điểm/giải; cấp Thành phố: 2 điểm/giải; cấp Trường: 1 điểm/giải
2	Tham gia và đạt giải tập thể trong cuộc thi văn hóa, thể thao, nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động giáo dục khác.	Căn cứ cấp tổ chức, thành tích và mức đóng góp thực tế của học sinh; tối đa 2 điểm/giải
3	Tích cực tham gia hoạt động câu lạc bộ, phong trào Đội, Đoàn hoặc hoạt động do Nhà trường tổ chức.	Từ 1 đến 3 điểm/học kỳ
4	Có đóng góp tích cực cho hoạt động của lớp; là thành viên ban cán sự lớp, ban chấp hành Đoàn, ban chủ nhiệm câu lạc bộ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Từ 1 đến 3 điểm/học kỳ theo mức đóng góp thực tế

2. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách câu lạc bộ, Trợ lý thanh niên, Tổng phụ trách Đội hoặc người phụ trách hoạt động lập danh sách học sinh được đề nghị cộng điểm, kèm minh chứng và mức điểm đề xuất, gửi Phó Hiệu trưởng phụ trách xem xét.

3. Tổng mức cộng không quá **05 điểm/học sinh/học kỳ**. Không cộng điểm chỉ vì học sinh giữ chức vụ khi chưa có kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Các hành vi vi phạm bị trừ trực tiếp mức xếp loại rèn luyện

1. Danh mục các hành vi vi phạm bị trừ trực tiếp mức xếp loại rèn luyện

STT	Nội dung	Mức xếp loại rèn luyện
1	Gây xích mích, nói xấu, đe dọa người khác hoặc cổ vũ hành vi sai trái	Hạ 1 bậc/ 1 lần vi phạm
2	Tái diễn việc sử dụng điện thoại, thiết bị nghe nhìn khi chưa được phép	Hạ 1 bậc/ 1 lần vi phạm
3	Sử dụng, mang theo hoặc liên quan đến thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu, bia, chất kích thích, chất gây nghiện;	Hạ 1 bậc/ 1 lần vi phạm
4	Vi phạm quy định về an toàn giao thông được Nhà trường hoặc cơ quan có thẩm quyền ghi nhận	Xếp loại Đạt

STT	Nội dung	Mức xếp loại rèn luyện
5	Lừa dối giáo viên, giả mạo chữ ký của cha mẹ học sinh hoặc giấy tờ liên quan	Hạ 1 bậc/ 1 lần vi phạm
6	Bịa đặt thông tin gây ảnh hưởng xấu đến cá nhân, tập thể; sử dụng mạng xã hội gây tổn hại đến uy tín, danh dự của người khác	Hạ 1 bậc/ 1 lần vi phạm
7	Trộm cắp, xâm phạm tài sản; gây mất an ninh, trật tự trong hoặc ngoài trường	Xếp loại Đạt
8	Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử	Xếp loại Đạt hoặc Chưa đạt
9	Xúc phạm danh dự, uy tín hoặc xâm phạm thân thể người khác; có hành vi vô lễ với giáo viên, nhân viên hoặc người lớn tuổi	Xếp loại Đạt hoặc Chưa đạt
10	Mang theo, lưu giữ hoặc sử dụng ấn phẩm trái pháp luật, vật nguy hiểm, chất độc hại, chất dễ gây cháy nổ, hung khí; tham gia cờ bạc hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.	Xếp loại Đạt hoặc Chưa đạt
11	Đánh nhau, xô xát hoặc có hành vi bạo lực đối với người khác	Xếp loại Đạt hoặc Chưa đạt

2. Khi phát hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, giáo viên hoặc bộ phận phụ trách báo cáo lãnh đạo cơ sở, phối hợp giáo viên chủ nhiệm xác minh sự việc, cho học sinh trình bày ý kiến và thông báo cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục. Trường hợp có nguy cơ gây hại, phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho người liên quan.

3. Trường hợp học sinh vi phạm lỗi nhẹ nhiều lần nhưng chưa có chuyển biến, giáo viên chủ nhiệm báo cáo Phó Hiệu trưởng phụ trách để phối hợp hỗ trợ, giáo dục và xem xét khi đánh giá cuối học kỳ. Những hành vi chưa được liệt kê được xem xét theo cùng nguyên tắc tại khoản 3 Điều này; Hiệu trưởng quyết định kết quả đánh giá theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

Chương III

THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

Điều 14. Ghi nhận nền nếp và biện pháp giáo dục

1. Giáo viên, nhân viên phụ trách ghi nhận hành vi tích cực và các việc cần khắc phục bằng nội dung cụ thể, tránh nhận xét quy chụp. Giáo viên chủ nhiệm

trao đổi với học sinh, làm rõ bối cảnh, hướng dẫn cách sửa chữa và thông tin cho cha mẹ khi cần phối hợp.

2. Với hành vi tái diễn hoặc có nguy cơ gây hại, giáo viên chủ nhiệm phối hợp lãnh đạo cơ sở, bộ phận tư vấn tâm lý và gia đình xây dựng biện pháp hỗ trợ. Việc khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định hiện hành và quy trình riêng của Nhà trường; không dùng điểm thi đua để thay thế thủ tục này.

Điều 15. Đánh giá cuối học kỳ và cuối năm

1. Học sinh tiểu học được đánh giá phẩm chất, năng lực và kết quả giáo dục theo quy định áp dụng cho cấp tiểu học. Giáo viên chủ nhiệm tổng hợp nhận xét từ quá trình học tập, rèn luyện và ý kiến giáo viên liên quan.

2. Học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được đánh giá kết quả rèn luyện theo bốn mức Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt theo quy định áp dụng cho cấp trung học. Giáo viên chủ nhiệm căn cứ biểu hiện thực tế, thông tin từ giáo viên bộ môn, hoạt động giáo dục và ý kiến tự nhận xét của học sinh để đề xuất mức đánh giá; Hiệu trưởng phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Học sinh và cha mẹ được thông báo kết quả qua kênh chính thức; trường hợp có ý kiến, giáo viên chủ nhiệm tiếp nhận, đối chiếu hồ sơ và báo cáo lãnh đạo cơ sở xem xét trước khi hoàn tất kết quả.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Hiệu trưởng chỉ đạo chung; các Phó Hiệu trưởng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo cấp học và cơ sở được phân công.

2. Giáo viên chủ nhiệm phổ biến Quy chế đến học sinh, cha mẹ; theo dõi, hỗ trợ học sinh và tổng hợp kết quả. Giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên, bộ phận quản lý học sinh và nhân viên liên quan ghi nhận, phối hợp giáo dục theo chức trách.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh được báo cáo Hiệu trưởng để xem xét sửa đổi, bổ sung bằng văn bản. Trường hợp quy định pháp luật thay đổi, áp dụng văn bản hiện hành và điều chỉnh Quy chế cho phù hợp./.